

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HS-PT

Ngày 05 - 02 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Thẩm Phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành và bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 116/2020/HSPT ngày 08 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thành P, Trương Tiến Đ, Nguyễn Phùng C; do có kháng cáo của các bị cáo: Trần Văn T, Nguyễn Phùng C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2020/HSST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1979; trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1940; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 và có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013). Tiền án: Có 01 tiền án: Tại bản án số 54/2018/HS-PT ngày 26/9/2018 Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xử phạt bị cáo T 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Đánh bạc”. Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Nguyễn Phùng C, sinh ngày 26 tháng 03 năm 2003; trú tại: **Thôn A**, xã V, huyện V, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1979 và bà Hạ Thị B, sinh năm 1980; vợ con chưa có; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phùng C: Bà L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị T1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Thành P và Trương Tiến Đ có đơn kháng cáo nhưng trước khi mở phiên tòa phúc thẩm đã rút đơn kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/8/2017 bà Nguyễn Thị Diễm H đến hiệu cầm đồ R ở xã L, huyện V do Trần Văn T làm chủ vay số tiền 28.000.000đ với mức lãi suất thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Sau đó do không trả tiền gốc và tiền lãi cho hiệu cầm đồ R nên bà H bỏ đi khỏi địa phương. Sau nhiều lần đi tìm bà H nhưng không gặp nên khoảng 16 giờ 00 phút ngày 02/10/2019, Nguyễn Thành P, Trương Tiến Đ cùng trú tại xã T, huyện V và Nguyễn Phùng C (là người làm thuê cho T) tiếp tục đến nhà bà H tìm thì gặp bà H. Do không có tiền trả nợ nên bà H xin khất. P, Đ, C không đồng ý và đã yêu cầu bà H đi cùng đến hiệu cầm đồ R tại xã T (là nhà của chị Lê Thị T1 ở thôn A, xã T, huyện V cho T thuê) để nói chuyện khất nợ. Bà H đồng ý rồi tự điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88H9-8229 của bà H chở C ngồi sau đi cùng P, Đ đến hiệu cầm đồ R. Sau khi P, Đ, C và bà H đi đến hiệu cầm đồ R được khoảng 05 đến 10 phút thì T đi một mình đến, T có chửi mắng bà H về việc bà H vay tiền nhưng không trả tiền gốc và tiền lãi mà bỏ trốn, thì bà H nói mình vẫn đóng tiền lãi cho hiệu cầm đồ của T. Thấy bà H nói không đúng sự thật nên P đã dùng tay tát 05 đến 06 phát vào mặt bà H. Sau đó, bà H thừa nhận là chưa đóng tiền lãi và lấy lý do đã đưa tiền cho con trai đi đóng, nhưng con trai bà H đã chơi điện tử và tiêu hết tiền. T bảo bà H “Khi nào có người nhà đem tiền đến trả nợ thì bà H mới được về”, đồng thời T cũng dặn P, Đ, C là “Lúc nào người nhà bà H đem tiền đến trả thì mới được cho bà H về” rồi T đi ra khỏi hiệu cầm đồ.

Sau khi T đi P đến bàn máy tính lấy 03 tờ giấy A4 đã được đánh máy sẵn theo mẫu và lấy 01 chiếc bút bi mực xanh nhãn hiệu Matix đưa cho C, bảo C hướng dẫn bà H viết giấy nhận nợ số tiền 150.000.000đồng, C cầm 03 tờ giấy P đưa ngồi cạnh hướng dẫn bà H viết. Lúc đầu, bà H không đồng ý viết giấy nhận nợ số tiền P nói trên vì bản thân không vay nợ số tiền lớn như vậy. Tuy nhiên do P, Đ, C cùng ngồi trên ghế sofa và ngồi xung quanh bà H (P ngồi đối diện, C

ngồi bên trái, Đ ngồi bên phải) đồng thời P quát: “Bà vay bằng thật, giờ tính cả gốc và lãi là hơn 100.000.000đ nên bà phải ký nhận”; trước đó khi nói không đúng thì đã bị P tát 5-6 phát vào mặt nên bà H lo sợ nếu không viết theo ý của P thì sẽ tiếp tục bị các đối tượng đánh. Mặt khác, hoang mang chuyện con nhỏ ở nhà không có người trông nom nên bà H nghĩ rằng chấp nhận viết, ký giấy theo yêu cầu của P, Đ, C thì sẽ được thả cho về nhà nên bà H đã phải viết, ký, điểm chỉ vào 03 tờ giấy gồm: 01 giấy cho vay tiền kiêm nhận nợ với số tiền vay là 150.000.000đ, 01 giấy bán xe và 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô, xe máy tự lái. C là người đọc cho bà H viết còn Đ và P ngồi giám sát, gây sức ép và thúc giục yêu cầu bà H viết đúng như C đọc. Sau khi bà H viết và điểm chỉ vào các tờ giấy trên thì P, Đ, C tiếp tục yêu cầu bà H gọi điện thoại cho người thân đem tiền đến trả nợ thì mới cho về. Bà H dùng điện thoại di động của mình gọi điện cho một số người quen để nhờ đem tiền đến trả nợ nhưng không có ai giúp nên P, Đ, C tiếp tục giữ bà H tại quán. Đến 20 giờ 38 phút cùng ngày, T sử dụng điện thoại di động mang số thuê bao 0866.866.833 gọi đến số thuê bao 032.897.4444 của Đ để nhắc nhở P, Đ, C cho bà H ăn tối và trông giữ bà H cẩn thận. Khoảng 22 giờ 00 cùng ngày, do không có ai đem tiền đến trả nợ cho bà H nên P bảo C dắt chiếc xe mô tô BKS 88H9-8229 của bà H vào trong phòng khách rồi P khóa cửa xếp sắt, cửa kính của hiệu cầm đồ lại và yêu cầu bà H phải ngủ lại tại ghế sofa phòng khách, còn 03 đối tượng thì ngủ trong phòng tiếp giáp phòng khách. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 03/10/2019 P, Đ, C dậy mở cửa dắt xe mô tô của bà H ra để tại vỉa hè trước hiệu cầm đồ và tiếp tục thúc giục, yêu cầu bà H gọi điện thoại cho người nhà đem tiền đến trả nợ. Sau khi gọi điện thoại cho người thân nhưng không có ai đem tiền đến trả nợ, bà H tiếp tục bị các đối tượng giữ tại hiệu cầm đồ cho đến khoảng 08 giờ 30 phút bà H xin được số điện thoại của Công an huyện V, bà H đã sử dụng số thuê bao 0928.735.080 của mình gọi điện trình báo Công an huyện V về việc bà bị P, Đ, C giữ trái pháp luật và ép bà phải viết 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ số tiền 150.000.000đ vào ngày 02/10/2019, 01 giấy bán xe, 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô xe máy tự lái. Sau khi tiếp nhận trình báo của bà H, Công an huyện V đã tiến hành rà soát, xác minh và kiểm tra căn nhà của chị Lê Thị T1 cho T thuê tại thôn C, xã T, huyện V và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thành P, Trương Tiến Đ, Nguyễn Phùng C về hành vi giữ người trái pháp luật đối với bà Nguyễn Thị Diễm H, thu giữ các vật chứng có liên quan và tiến hành và phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường (không còn nguyên vẹn) tại căn nhà của chị Lê Thị T1 ở thôn C, xã T, huyện V, khám xét khẩn cấp nơi ở và nơi làm việc của Nguyễn Thành P là căn nhà P thuê của chị Lê Thị T1 để giữ bà H nêu trên và tiếp tục thu giữ một số đồ vật liên quan phục vụ điều tra.

Quá trình điều tra Trần Văn T khai nhận: Khoảng tháng 12/2016, T cùng Khổng Văn M trú tại xã Y, huyện V thuê nhà mở hiệu cầm đồ R tại xã L, huyện V (Hiệu cầm đồ này không có giấy phép kinh doanh, không được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT, không treo biển hiệu). T thuê Nguyễn Thành P làm quản lý, theo dõi sổ sách ghi chép khách vay nợ của hiệu cầm đồ từ tháng 7/2018 với mức lương 5.000.000đ/ tháng. Đầu tháng 9/2019 T nhờ P thuê nhà của người quen là chị Lê Thị T1 ở thôn C, xã T và chuyển hiệu cầm đồ R đến hoạt động tại đó nhưng cũng không treo biển hiệu. Cùng thời điểm này, Trương Tiến Đ và Nguyễn Phùng C được T nhận vào làm việc tại hiệu cầm đồ với mức lương do T trả cho Đ là 3.000.000đ/tháng và trả cho C là 2.000.000đ/tháng.

Tại cơ quan điều tra P, Đ, C đã khai nhận toàn bộ hành vi giữ người trái pháp luật đối với bà H tại hiệu cầm đồ R ở xã T, huyện V từ khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/10/2019 cho đến khi cơ quan Công an đến kiểm tra và bắt quả tang các đối tượng về hành vi này vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 03/10/2019 như đã nêu trên theo sự chỉ đạo của T. Đồng thời các đối tượng khai nhận việc yêu cầu bà H phải viết giấy vay tiền kiêm nhận nợ 150.000.000đ, giấy bán xe, hợp đồng cho thuê xe ô tô xe máy tự lái là do P, Đ, C tự ý thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền trên cùng chiếc xe mô tô của bà H. T không chỉ đạo P, Đ, C yêu cầu bà H viết giấy vay tiền kiêm nhận nợ, giấy bán xe, hợp đồng cho thuê xe như nêu trên.

Ngày 04/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định Trung cầu giám định thương tích đối với bà Nguyễn Thị Diễm H. Tuy nhiên, bà H không đồng ý đi giám định thương tích và tự nguyện viết đơn xin từ chối giám định thương tích với lý do việc bà H bị P tát không có thương tích, bà xin tự khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định dẫn giải bà H đi giám định thương tích nhưng bà H kiên quyết từ chối đi giám định, Cơ quan điều tra không thi hành được việc dẫn giải nên không có căn cứ xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà H do bị P đánh.

Ngày 12/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Yêu cầu định giá tài sản gửi Hội đồng định giá tài sản huyện V đề nghị định giá tài sản là 01 chiếc xe mô tô BKS 88H9-8229 mà P, Đ và C đã yêu cầu bà H viết giấy bán xe nêu trên. Ngày 18/11/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện V đã có kết luận định giá tài sản xác định giá trị của chiếc xe mô tô trên là 1.200.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 02/10/2019, Trần Văn T có hành vi và vai trò đồng phạm với P, Đ, C về tội “Giữ người trái pháp luật” đối với bà H. Do vậy, ngày 07/02/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Văn T về tội “Giữ người trái pháp luật” quy định tại Điều 157 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, do

T bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 02/3/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định truy nã bị can đối với T. Ngày 06/3/2020, T đến Công an huyện V đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị Diễm H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2020/HSST ngày 04 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giữ người trái pháp luật”; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phùng C phạm tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 56, 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn T 10 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp với 12 tháng tù (nhưng cho hưởng án treo) tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2018/HS-PT ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, buộc bị cáo phải chấp hành phạt chung của hai bản án là 01 năm 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (cả hai bản án đều không có thời gian tạm giữ, tạm giam).

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 55, 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Phùng C 06 (sáu) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”; 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Buộc Nguyễn Phùng C phải chấp hành chung cho cả hai tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, tính án phí, tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 10/9/2020, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Ngày 14/9/2020, bị cáo Nguyễn Phùng C có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Văn T rút nội dung kháng cáo xin cải tạo tại địa phương. Bị cáo C rút nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, chỉ xin giảm nhẹ mức án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu về đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, bị cáo Nguyễn Phùng C và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và giảm án cho cả hai bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Trần Văn T 02 tháng tù về tội “Giữ

người trái pháp luật”; giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Phùng C đối với tội cướp tài sản từ 6 năm tù xuống còn 5 năm 6 tháng tù (giảm 6 tháng); giữ nguyên hình phạt đối với tội “Giữ người trái pháp luật”.

Bà L bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phùng C trình bày lời bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự giảm nhẹ mức án cho bị cáo C cho cả hai tội vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Mức giảm cho cả 2 tội từ 6 đến 9 tháng tù.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện V lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 03/10/2019 và còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ, cùng với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án; đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội "Giữ người trái pháp luật"; Nguyễn Thành P, Trương Tiến Đ, Nguyễn Phùng C phạm tội "Giữ người trái pháp luật và tội "Cướp tài sản". Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện V đã truy tố, xét xử bị cáo Trần Văn T phạm tội "Giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Thành P, Trương Tiến Đ, Nguyễn Phùng C phạm tội "Giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự và tội "Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò của từng đồng phạm, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ mức án cho các bị cáo (tình tiết giảm nhẹ của bị cáo T được áp dụng là điểm s khoản 1 Điều 51, tình tiết tăng nặng bị áp dụng là điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự). Do tội “Giữ người trái pháp luật” bị cáo là người đóng vai trò chính nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo 10 tháng tù là mức án cao hơn các bị cáo khác, và do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với 12 tháng tù (nhưng cho hưởng án treo) tại Bản án số

54/2018/HS-PT ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 01 năm 10 tháng tù. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

Tuy nhiên, ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo xuất trình chứng cứ chứng minh cho tình tiết giảm nhẹ mới, đó là xác nhận của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc về việc bị cáo đã giúp Cơ quan điều tra bắt giữ đối tượng phạm tội đang bị truy nã. Mặt khác ở giai đoạn phúc thẩm bị hại đã có đơn đề nghị giảm mức án cho bị cáo, vì vậy cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ mức án cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Có thể giảm nhẹ hơn so với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phùng C.

Nguyễn Phùng C khi phạm tội mới 17 tuổi 06 tháng 06 ngày, phạm tội với vai trò đồng phạm, C cùng Đ, P xuống nhà bà H tìm bà H sau đó cùng bà H đi về quán và trực tiếp giữ bà H để không cho bà H bỏ về, bỏ trốn. Các bị cáo đã thực hiện hành vi giữ bà H tại quán cầm đồ gần 20 giờ đồng hồ để buộc bà H trả nợ và có lời nói, hành động làm bà H sợ hãi để chiếm đoạt chiếc xe máy của bà H và số tiền yêu cầu bà H viết nhận nợ, yêu cầu bà H gọi điện thoại về nhà để người nhà đem tiền đến trả nhằm chiếm đoạt tài sản của bà H. Trong tình trạng không thể chống cự lại được bà H đã phải viết giấy nhận nợ, mặc dù thực tế bà H không nợ các bị cáo số tiền này.

Hành vi của bị cáo C và đồng phạm là rất nghiêm trọng, bị cáo C phạm tội với vai trò tích cực. Khi xét xử sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự); đã xét xử bị cáo mức án 6 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật” và 6 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Tại phiên tòa bị cáo không xuất trình chứng cứ chứng minh cho tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 6 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật” và 6 năm tù về tội “Cướp tài sản” là không phù hợp, vì lẽ ngoài việc bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật, khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi. Theo quy định tại Điều 101 Bộ luật hình sự thì mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định như sau: *“1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;”*. Trong vụ án này bị cáo

phạm hai tội là tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản” đều với vai trò đồng phạm, nhưng không phải là người đóng vai trò chính trong vụ án. Bị cáo là người có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội vì vậy đối với tội “Giữ người trái pháp luật”, bị cáo Trần Văn T là người đóng vai trò chính được Hội đồng xét xử chấp nhận giảm nhẹ mức án cho bị cáo thì cũng cần thiết giảm nhẹ cho bị cáo đối với tội này. Đối với tội “Cướp tài sản” theo nguyên tắc áp dụng hình phạt nêu trên thì bị cáo chỉ bị áp dụng mức án bằng $\frac{3}{4}$ so với các bị cáo đủ 18 tuổi. Đối với tội “Cướp tài sản” bị cáo Nguyễn Thành P được xác định là người đóng vai trò chính, bị cáo Trương Tiến Đ và C có vai trò ngang nhau, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ 6 năm 9 tháng tù về tội “Cướp tài sản” thì hình phạt áp dụng đối với bị cáo C chỉ khoảng 5 năm tù.

Với nhận xét trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và của luật sư, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo C theo nhận định trên.

Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Phùng C là người phạm tội dưới 18 tuổi.

Các nội dung khác không có kháng cáo kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị Tòa án không nhận xét.

[9]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và bị cáo Bị cáo Nguyễn Phùng C được Hội đồng xét xử chấp nhận nên cả hai bị cáo đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và bị cáo Nguyễn Phùng C.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2020/HSST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giữ người trái pháp luật”; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phùng C phạm tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 56, 58, 104 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 07 (Bảy) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù (nhưng cho hưởng án treo) tại Bản án số 54/2018/HS-PT ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, buộc

Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 năm 7 tháng tù (Một năm bảy tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 55, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 103 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phùng C 04 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”; 5 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Phùng C phải chấp hành chung cho cả hai tội là 05 năm 04 tháng tù (Năm năm bốn tháng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Phùng C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THA dân sự huyện V;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Thanh